

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày 13-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đông.
2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện ủy quyền theo quyết định số 167a/QĐ-NHCS ngày 31/5/2024 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Trần Cẩm X, sinh năm 2004.

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 và quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C trình bày cho rằng: Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện T (gọi tắt Ngân hàng) giải ngân cho ông Nguyễn Văn Tam đại D hộ gia đình vay vốn, gồm 02 món vay sau:

Món vay thứ nhất: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu số 01/TD, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hành chính sách xã hội huyện T phê duyệt ngày 19/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T2 vay số tiền 12.000.000 đồng của chương trình cho vay hộ cận nghèo. Tại sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ có mã món vay 6600000710317066, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, lãi trả định kỳ hàng tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 20/5/2022. Món vay được gia hạn lần đầu ngày 18/6/2022, ông T2 không trả tiền vay và lãi nên chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/6/2024, lãi suất 11,7%/năm.

Món vay thứ hai: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu số 01/TD, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hành chính sách xã hội huyện T phê duyệt ngày 19/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T2 vay số tiền 8.000.000 đồng của Chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Tại sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ có mã món vay 6600000710317458, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, lãi trả định kỳ hàng tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 20/5/2022. Món vay được gia hạn lần đầu ngày 18/6/2022, ông T2 không trả tiền vay và lãi nên chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/6/2024, lãi suất 11,7%/năm.

Ông T2 thực hiện các thủ tục vay có sự đồng ý và ủy quyền của vợ là bà Trần Thị Mai T3, do đó Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và vợ bà Trần Thị Mai T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc, lãi của hai khoản vay tính đến ngày 13/6/2025 là 25.835.943 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến 22/10/2024 là 5.835.934 đồng. Tiền lãi sẽ được cộng thêm hàng tháng cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C và bảng chiết tính lãi hộ Nguyễn Văn T2 thể hiện: Món vay 8.000.000 đồng, số lãi còn phải nộp đến ngày 13/6/2025 là 2.938.831 đồng và món vay 12.000.000 đồng, số lãi còn phải nộp đến ngày 13/6/2025 là 4.408.259 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt, quá trình thụ lý vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, nhưng bị đơn không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai T3 chết (theo Công văn của Công an xã L ngày 06/01/2025 ghi nhận bà T3 chết được khoảng 02 năm), Tòa án xác định và đưa con của bà T3 tên Nguyễn Trần Cẩm X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Cẩm X, quá trình thụ lý vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, nhưng bà X không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bà Trần Thị Mai T3 đã chết, Tòa án đưa người thừa kế tham gia tố tụng là đúng quy định. Tuy nhiên khoản vay của hộ do ông Nguyễn Văn T2 người đứng vay, ông T2 đồng thời là người thừa kế của bà T3 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T2 hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi 7.347.090 đồng và phải chịu tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về tiền vay và lãi đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Mai T3 hoàn trả tiền vay, lãi tính đến ngày 13/6/2025 là 27.347.090 đồng, trong đó nợ vốn 20.000.000 đồng và nợ lãi 7.347.090 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp bản sao giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/5/2017 đề nghị vay vốn 12.000.000 đồng của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh nông thôn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ có mã món vay 6600000710317066. Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/5/2017 đề nghị vay vốn 8.000.000 đồng của chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ có mã món vay 6600000710317458. Cả hai khoản vay với lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, lãi trả định kỳ hàng tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 20/5/2022. Ông T2 và bà T3 không trả tiền vay và lãi, Ngân hàng đã gia hạn lần đầu ngày 18/6/2022 nhưng đến nay bên vay ông T2 chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi nên chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/6/2024, lãi suất 11,7%/năm (0,975%/tháng). Như vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Mai T3 chịu trách nhiệm trả toàn bộ vốn vay và lãi là có căn cứ. Tuy nhiên qua xác minh được biết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai T3 chết được khoảng 02 năm (theo Công văn của Công an xã L ngày 06/01/2025) là trước thời điểm Ngân hàng khởi kiện, Tòa án xác định và đưa người

thừa kế (con) của bà T3 tên Nguyễn Trần Cẩm X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về tài sản của người chết để lại và qua thu thập thông tin tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T bà T3 không có tài sản là quyền sử dụng đất tại địa phương. Do ông T2 là người đề nghị vay và nhận tiền giải ngân nên buộc ông T2 có nghĩa vụ hoàn trả tiền vay và lãi cho Ngân hàng là có cơ sở.

[4] Về án phí tố tụng: Ngân hàng có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ liên quan đến tài sản của người chết, Tòa án đã thực hiện với chi phí là 300.000 đồng. Do đó Ngân hàng phải tự chịu trách nhiệm đối với chi phí thu thập chứng cứ này và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 27.347.090 đồng, (hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi đồng), trong đó nợ vốn 20.000.000 đồng và nợ lãi 7.347.090 đồng.

2. Kể từ ngày 14/6/2025, ông Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận ghi trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/5/2017 (phê duyệt ngày 19/5/2017) và Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 20/5/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí số tiền 1.367.354 đồng (một triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng). Nguyên đơn Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh Mai